



THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3458**/TB-TTCP

Hà Nội, ngày **24** tháng **9** năm 2026

THÔNG BÁO

**Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với
cách mạng cải thiện nhà ở tại tỉnh Thanh Hóa
thời kỳ 2008 - 2019**

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, Thanh tra Chính phủ ban hành Kết luận thanh tra số 479/KL-TTCP về thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở tại tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2008 - 2019.

Căn cứ quy định tại Điều 37 của Luật Thanh tra số 84/2025/QH15, Thanh tra Chính phủ thông báo Kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Tỉnh Thanh Hoá thuộc Bắc Trung Bộ gồm 27 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố; sau sắp xếp hiện nay có 166 xã, phường; diện tích 11.115 km², dân số 4,32 triệu người; đến 31/12/2019, tỉnh Thanh Hóa quản lý 349.771 hồ sơ NCC, trong đó có 62.548 NCC và thân nhân NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

Thời kỳ 2008 - 2019, Đảng bộ, chính quyền các cấp, các ngành và nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ¹, Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng² với các hình thức: Hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất (*viết tắt là TSDĐ*) khi giao đất làm nhà ở, khi cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở (*viết tắt là chuyển MĐSDĐ*), khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*); tặng nhà tình nghĩa, hỗ trợ kinh phí để xây mới, sửa chữa nhà ở cho NCC.

II. KẾT LUẬN

1. Những kết quả đạt được

- Về ban hành văn bản triển khai: UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở³. Trọng tâm

¹ Quyết định số 118-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở; Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở; Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của TTgCP về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở và Điều 3 Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của TTgCP về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở; Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở.

² Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

³ Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1506/QĐ-UB ngày 21/6/2000; Công văn số 1043/LN/TCVG-KBNN ngày 30/10/2000; Công văn số 1033/UB-VX ngày 03/4/2005; Công văn số 2302/UBND-VX ngày 17/6/2005; Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 12/11/2007; Quyết định số 3322/QĐ-UBND

là Quyết định số 1506/QĐ-UB ngày 21/6/2000 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg; Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 phê duyệt đề án hỗ trợ NCC về nhà ở, giao Sở Xây dựng là cơ quan thường trực của tỉnh chủ trì triển khai thực hiện, lập kế hoạch, danh sách và đề xuất xây mới, sửa chữa nhà ở cho NCC. Theo đề án, tỉnh đã phê duyệt hỗ trợ cho 18.502 hộ NCC (gồm xây mới 8.466 hộ; sửa chữa 10.036 hộ) với tổng kinh phí 539.360 triệu đồng từ nguồn ngân sách trung ương và một số văn bản có liên quan.

- Về công tác tuyên truyền, phổ biến: Chính quyền các cấp và các cơ quan truyền thông tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở đến người dân dưới nhiều hình thức. Việc công khai chính sách, danh sách đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ được thực hiện qua niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và các điểm sinh hoạt khu dân cư theo quy định.

- Kết quả thực hiện: Trong thời kỳ 2008 - 2019 bằng nguồn ngân sách nhà nước kết hợp vận động, huy động các nguồn lực xã hội hóa, tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thành hỗ trợ cải thiện nhà ở cho 22.770 hộ NCC, với tổng số tiền thực hiện là 732.150 triệu đồng, bao gồm:

+ Đã thực hiện miễn, giảm TSDĐ đối với 417 hộ NCC với tổng số tiền là 38.902 triệu đồng. Việc hỗ trợ được áp dụng khi giao đất làm nhà ở, khi cho phép chuyển MĐSDĐ và khi cấp GCNQSDĐ.

+ Đã hoàn thành hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở và tặng nhà tình nghĩa cho 22.353 hộ NCC, trong đó:

(i) Hỗ trợ sửa chữa nhà ở theo Quyết định số 118-TTg và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg cho 338 hộ NCC với tổng kinh phí giải ngân là 8.525 triệu đồng.

(ii) Hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg và Nghị quyết số 63/NQ-CP cho 21.065 hộ NCC với tổng kinh phí giải ngân và quyết toán là 623.405 triệu đồng.

(iii) Huy động các nguồn lực cộng đồng và Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" các cấp để tổ chức xây mới và trao tặng 950 căn nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình NCC có hoàn cảnh khó khăn với tổng kinh phí thực hiện 61.318 triệu đồng.

2. Tồn tại, hạn chế, vi phạm

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, kiến nghị

- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện:

+ UBND tỉnh Thanh Hóa chưa kịp thời ban hành văn bản để triển khai thực hiện Quyết định số 118-TTg có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1995, đến khi có

Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 1506/QĐ-UB ngày 21/6/2000 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện và một số văn bản hướng dẫn thực hiện hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở.

+ Trong các thời kỳ tiếp theo, khi chính sách hỗ trợ NCC cải thiện về nhà ở có sự điều chỉnh, bổ sung nhóm đối tượng được hưởng mức hỗ trợ (như "*Cán bộ Tiền khởi nghĩa*" tại Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg; "*Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học*" và các mức hỗ trợ mới tại Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg), UBND tỉnh chưa kịp thời ban hành các văn bản phù hợp nhằm hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với các nhóm đối tượng này.

+ UBND tỉnh đã ban hành một số văn bản chỉ đạo nhưng chưa cụ thể hóa tiêu chí "*khó khăn về nhà ở*" (hoặc "*đặc biệt khó khăn*") đối với các hộ NCC phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm của địa phương để làm căn cứ xét giao đất, tặng nhà tình nghĩa, miễn, giảm TSDĐ theo quy định khoản 2 Điều 1 Quyết định 118-TTg; chưa quy định rõ trách nhiệm và quy trình cụ thể của các cơ quan chuyên môn (đặc biệt là cấp cơ sở) trong việc xác minh thực trạng nhà ở, điều kiện khó khăn về nhà ở của NCC làm căn cứ xét hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất (TSDĐ) theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Quyết định số 118-TTg.

- Việc tuyên truyền, phổ biến chính sách, hiệu quả còn hạn chế; nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị và người dân khi thực hiện chính sách hỗ trợ NCC chưa đầy đủ và thống nhất, dẫn đến việc hiểu, áp dụng chính sách chưa đúng bản chất, mục tiêu hỗ trợ NCC.

- Về công tác sơ kết, tổng kết: Trong thời gian dài triển khai thực hiện, UBND tỉnh chưa tổ chức sơ kết, tổng kết chuyên đề để đánh giá hiệu quả thực tế của chính sách (nhất là hình thức hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ). Thiếu sót này dẫn đến việc không kịp thời phát hiện các tồn tại ở cấp cơ sở và những bất cập, chênh lệch về mức hưởng giữa các hình thức hỗ trợ để kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách; thể hiện việc thực hiện chưa đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 25 Pháp lệnh số 36/L/CTN ngày 29/8/1994 của Chủ tịch nước; đồng thời chưa chú trọng việc tổ chức thí điểm rút kinh nghiệm theo Mục 3 Chỉ thị số 166-TTg ngày 19/3/1996.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, kiến nghị: Thời kỳ 2008 - 2019, UBND tỉnh và các cơ quan tham mưu chuyên ngành (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường) không tổ chức các cuộc thanh tra và thiếu kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở (đặc biệt là công tác xét duyệt hỗ trợ, miễn, giảm TSDĐ), là chưa thực hiện đúng trách nhiệm quản lý nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 25 Pháp lệnh số 36/L/CTN năm 1994; điểm đ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 63/NQ-CP; điểm g khoản 2 Điều 8 Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg và khoản 2 Điều 52 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTB&XH.

Đến thời điểm thanh tra, địa phương vẫn còn một số trường hợp NCC có đơn kiến nghị, khiếu nại nhưng chưa được các cơ quan chuyên môn xem xét, giải quyết dứt điểm, cụ thể:

+ Trường hợp ông Trần Xuân Thanh (Thương binh hạng 3/4): Từ năm 2018, UBND phường Đông Lĩnh, TP Thanh Hóa đã có xác nhận và văn bản đề nghị giảm TSDĐ gửi UBND thành phố Thanh Hóa, nhưng UBND thành phố Thanh Hóa vẫn chưa xem xét, giải quyết.

+ Trường hợp vợ chồng ông bà Lưu Thị Triển (Thương binh hạng 3/4) và Trịnh Hoàng Hải (Thương binh 4/4): Đã có kiến nghị kéo dài liên quan đến việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu nhà ở và chung cư Mai Xuân Dương (theo Mặt bằng quy hoạch số 89/XD-UBND ngày 31/10/2000 của UBND tỉnh). Quy hoạch dự án từ năm 2000 nhưng đến thời điểm thanh tra vẫn chưa triển khai, chưa thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, không có quyết định thu hồi đất hay phương án tái định cư, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình chính sách.

+ Tại thành phố Thanh Hóa, còn tình trạng thiếu thống nhất giữa các cấp khi xét duyệt điều kiện hỗ trợ đối với 03 trường hợp NCC gồm các ông: Trần Văn Thanh, Lê Duy Tiếp, Trịnh Viết Xuân. UBND cấp xã và cấp huyện không đồng ý hỗ trợ do xác định các đối tượng NCC này đã có nhà đất ổn định, không thuộc diện có khó khăn về nhà ở⁴. Tuy nhiên sau đó UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành các Quyết định phê duyệt và chỉ đạo UBND thành phố Thanh Hóa thực hiện việc miễn, giảm TSDĐ cho các hộ này⁵.

UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo tạm dừng thực hiện các Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên để địa phương kiểm tra, rà soát và thống nhất xử lý theo đúng quy định tại khoản 8 Điều 2 Quyết định 118-TTg⁶ và Chỉ thị số 166-TTg. Việc giải quyết thiếu nhất quán này gây thắc mắc, ảnh hưởng đến tính nghiêm minh trong thực thi chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở.

2.2. Trong việc thực hiện hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất

Kiểm tra 417/417 hồ sơ miễn, giảm TSDĐ trong thời kỳ 2008 - 2019 và rà soát trên hệ thống đăng ký biến động đất đai của các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện và hồ sơ của cơ quan Thuế, thấy:

- UBND cấp xã chỉ thực hiện xác nhận đối tượng là NCC và xác nhận nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của NCC tại địa phương; Chi cục Thuế cấp huyện chỉ thực hiện tra cứu và xác nhận đối tượng NCC chưa được hưởng miễn, giảm TSDĐ lần nào tại địa bàn quản lý; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (phòng LĐTĐ&XH, phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai) không thực hiện quy trình kiến nghị, xác minh thực trạng nhà ở, hoàn cảnh kinh tế của NCC nhưng vẫn lập tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt miễn, giảm TSDĐ.

⁴ Các văn bản của UBND thành phố Thanh Hóa: Quyết định số 4629/QĐ-UBND ngày 29/6/2020, Quyết định số 4630/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 và Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 về việc không đồng ý hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ cho các ông Lê Duy Tiếp (Thương binh 1/4), ông Trần Văn Thanh (Thương binh 1/4), Trịnh Viết Xuân (Thương binh 3/4) vì không thuộc diện khó khăn, đã có nhà đất ở.

⁵ Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc đồng ý hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ cho các ông Trần Văn Thanh, Lê Duy Tiếp, Trịnh Viết Xuân.

⁶ “Khoản 8 Điều 2 Quyết định số 118-TTg “8. Việc xem xét để hỗ trợ người có công với Cách mạng cải thiện nhà ở phải dựa trên kiến nghị của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi người đó cư trú và những kiến nghị đó phải được Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xác minh lại trước khi trình lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Quyết định”.

Việc UBND cấp xã và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện không kiểm tra, kiến nghị và xác minh thực trạng "*khó khăn về nhà ở*" của đối tượng thụ hưởng là thực hiện không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2, khoản 8 Điều 2 Quyết định số 118-TTg, khoản 2 Điều 1 Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13.

- Có 07 trường hợp NCC (gồm 02 trường hợp ở huyện Yên Định, 04 trường hợp ở huyện Hoàng Hóa, 01 trường hợp ở huyện Thường Xuân)⁷ được hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ theo Quyết định của Chi cục Thuế khi chưa có Quyết định hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ của UBND cấp có thẩm quyền, không đúng quy định tại khoản 8 Điều 2 Quyết định số 118-TTg; khoản 2 Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính (hướng dẫn Nghị định số 45/2014/NĐ-CP) và Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố, thị xã quyết định miễn, giảm TSDĐ cho NCC.

- Qua xem xét hồ sơ hỗ trợ NCC, có 21/417 trường hợp NCC được miễn, giảm TSDĐ sai tỷ lệ, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 117-TTg⁸, gồm:

+ Có 16 trường hợp NCC được áp dụng mức hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ cao hơn quy định, số tiền tạm tính là 517,997 triệu đồng (bao gồm số tiền 02 trường hợp thân nhân liệt sĩ tại huyện Yên Định, trong quá trình thanh tra đã hoàn trả ngân sách nhà nước số TSDĐ được miễn, giảm cao hơn quy định 63,825 triệu đồng)⁹;

+ Có 05 hộ NCC được áp dụng mức hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ thấp hơn quy định khi chuyển MĐSDĐ và cấp GCNQSDĐ, số tiền tạm tính là 42,437 triệu đồng.

- Ban Giải phóng mặt bằng và tái định cư thành phố Thanh Hóa (viết tắt là Ban GPMB&TĐC TP) đã thu TSDĐ của 03 hộ NCC¹⁰ khi giao đất tái định cư, được miễn, giảm TSDĐ, số tiền 129,714 triệu đồng; nhưng chưa nộp vào ngân sách nhà nước, vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Quản lý thuế năm 2006.

- Có 03 hộ NCC có khó khăn về nhà ở (HKTT tại thành phố Thanh Hóa) được UBND thành phố Thanh Hóa giao đất tái định cư theo các Quyết định số 4297/QĐ-UBND, 4298/QĐ-UBND, 4299/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 với diện tích đất 56m²/lô

⁷ 07 trường hợp gồm: huyện Yên Định: Bà Lê Thị Bông và bà Lê Thị Bàng, thân nhân liệt sĩ; huyện Hoàng Hóa: Ông Lê Thế Hoan TB 42%; ông Nguyễn Văn Hoa TB 35%; ông Lê Văn Loan TB 26%; ông Lê Bá Phòng TB 22%; huyện Thường Xuân: Ông Lê Đình Phùng TB 41%.

⁸ "- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 61% đến 80% được hỗ trợ 90% tiền sử dụng đất;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 41% đến 60% được hỗ trợ 80% tiền sử dụng đất;

- Thân nhân của liệt sĩ quy định tại khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 21% đến 40%; người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "*Tổ quốc ghi công*" hoặc Bằng "*Có công với nước*", người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "*Tổ quốc ghi công*" hoặc Bằng "*Có công với nước*" được hỗ trợ 70% tiền sử dụng đất".

⁹ Báo cáo số 1031/CCT-NVT ngày 26/7/2021 của Chi cục thuế khu vực Yên Định-Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa có 02 trường hợp NCC bà Lê Thị Bông và bà Lê Thị Bàng trú tại huyện Yên Định đã nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 63,825 triệu đồng, trong đó bà Lê Thị Bàng nộp 50,700 triệu đồng tại giấy nộp tiền số 4315563, mã hiệu TH0692221 ngày 26/7/2021; bà Lê Thị Bông nộp 13,125 triệu đồng tại giấy nộp tiền số 4310710, mã hiệu TH0692221 ngày 26/7/2021.

¹⁰ 03 hộ NCC gồm: Ông Lê Đình Hạ, bệnh binh 65%, ông Trần Thanh Niệm nhiễm chất độc da cam, ông Nguyễn Công Bình thương binh ¾, đều thường trú tại TP Thanh Hoá.

đất, đơn giá 1,6 triệu đồng/m², số TSDĐ phải nộp tương ứng là 89,6 triệu đồng/lô đất (56m² x 1,6 triệu đồng/m²). Tuy nhiên, tại các Tờ trình đề nghị phê duyệt miễn, giảm TSDĐ của UBND thành phố Thanh Hóa cho các đối tượng nêu trên xác định: TSDĐ của mỗi lô đất là 16,744 triệu đồng; chi phí giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng phải nộp của mỗi lô đất là 72,856 triệu đồng. Căn cứ nội dung đề nghị của UBND TP Thanh Hóa, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành các Quyết định phê duyệt giảm TSDĐ cho các đối tượng NCC theo số TSDĐ đã nêu tại các Tờ trình của UBND TP (tỷ lệ giảm x 16,744 triệu đồng).

Việc không thống nhất khi xác định số TSDĐ giữa Quyết định giao đất (89,60 triệu đồng) với Tờ trình đề nghị phê duyệt miễn giảm TSDĐ của UBND thành phố và Quyết định phê duyệt miễn giảm TSDĐ của UBND tỉnh (16,744 triệu đồng) như trên là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP¹¹ ngày 30/12/2010 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn về giá đất tính thu TSDĐ, không đúng giá đất ở do UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 4341/QĐ-UBND ngày 31/12/2008; có nguy cơ ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của NCC trong việc xét miễn, giảm TSDĐ khi giao đất tái định cư.

- Có 04 hộ NCC bị thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư theo các Quyết định: số 1256/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 và số 3195/QĐ-UBND ngày 05/6/2013, được UBND thành phố Thanh Hóa giao đất ở tái định cư theo các Quyết định: số 2187/QĐ-UBND ngày 25/4/2013, số 5327/QĐ-UBND ngày 05/8/2013, số 9193/QĐ-UBND ngày 10/10/2014, số 9202/QĐ-UBND ngày 10/10/2014; được giảm TSDĐ theo các Quyết định: số 3434/QĐ-UBND ngày 02/10/2013, số 3436/QĐ-UBND ngày 02/10/2013, 6326/QĐ-UBND ngày 29/7/2015, số 6325/QĐ-UBND ngày 29/7/2015. Theo đó: Diện tích đất ở xét giảm tiền TSDĐ = chênh lệch hạn mức đất ở đô thị tại địa bàn thành phố Thanh Hóa - Diện tích đất đã thu hồi của hộ NCC.

Qua xem xét trên hồ sơ, cho thấy: Việc xác định diện tích đất ở để xét giảm TSDĐ như trên là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 4 Điều 2 Quyết định số 118-TTg; có nguy cơ ảnh hưởng đến quyền lợi của NCC trong bồi thường, giao đất tái định cư khi thu hồi đất thực hiện dự án.

2.3. Trong việc thực hiện hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho NCC theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg

- Trong công tác rà soát, thống kê đối tượng và lập đề án: Sở Xây dựng (với vai trò là cơ quan thường trực, chủ trì lập đề án), Sở LĐTB&XH (cơ quan rà soát đối tượng) và UBND cấp huyện chưa nắm chắc hiện trạng nhà ở thực tế của các hộ gia đình NCC trên địa bàn. Công tác thống kê, phân loại và rà soát đối tượng từ cấp cơ sở thiếu chính xác dẫn đến việc tổng hợp, phê duyệt danh sách đề án bị chậm, số liệu báo cáo phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần. Việc chậm trong khâu lập và điều chỉnh danh sách hỗ trợ

¹¹ Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP của Chính phủ: "...Giá đất tính thu TSDĐ: a) Khi nhà nước giao đất có thu TSDĐ không qua hình thức đấu giá QSDĐ thì giá đất tính thu TSDĐ là giá đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền..."

dẫn đến địa phương không hoàn thành thời gian, tiến độ hỗ trợ trong năm 2013 và 2014 theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg.

- Trong công tác quyết toán nguồn vốn hỗ trợ: UBND tỉnh, Sở Tài chính và UBND cấp huyện chậm thực hiện thủ tục thu, nộp trả khoản kinh phí kết dư 49.589 triệu đồng (số kinh phí ngân sách trung ương cấp cho đề án) về ngân sách trung ương, không thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27/6/2019 của Chính phủ.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát: UBND tỉnh, Sở Xây dựng (cơ quan thường trực) và các sở, ngành liên quan chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc *"ban hành cơ chế kiểm tra, giám sát"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 8 Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg và yêu cầu *"tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra"* theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 63/NQ-CP, dẫn đến không kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai sót trong khâu thống kê, lập danh sách từ cấp cơ sở.

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế, vi phạm

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Các Bộ: LĐTĐ&XH, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Quyết định số 118-TTg, Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg, chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở; các văn bản về chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở của Trung ương và của tỉnh chậm được sửa đổi, chưa cụ thể hóa điều kiện *"khó khăn về nhà ở"* đối với trường hợp miễn, giảm TSDĐ khi làm thủ tục chuyển MĐSDĐ sang đất ở, cấp GCNQSDĐ. Trong thời kỳ 2008 - 2019, các Bộ, ngành liên quan chưa thực hiện kịp thời, đầy đủ công tác kiểm tra và hướng dẫn việc sơ kết, tổng kết các nội dung liên quan đến thực hiện chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở.

- Việc Bộ LĐTĐ&XH ban hành Quyết định số 1395/QĐ-BLĐTĐ&XH ngày 30/9/2015 công bố kết quả hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ LĐTĐ&XH đến hết ngày 10/6/2015, trong đó Quyết định số 118-TTg của Thủ tướng Chính phủ được đưa vào Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực với lý do *"bị bãi bỏ"*¹², trong khi Quyết định số 118-TTg vẫn còn hiệu lực là không đúng thẩm quyền, dẫn đến địa phương khó tổ chức thực hiện chính sách, làm ảnh hưởng quyền lợi của NCC.

- Bất cập trong các quy định về mức hỗ trợ và điều kiện, thủ tục xét hỗ trợ giữa hai hình thức hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở, dẫn đến không công bằng về mức hỗ trợ và điều kiện, thủ tục xét hỗ trợ. Việc hỗ trợ kinh phí để sửa chữa, xây mới nhà ở có quy định về điều kiện, thủ tục xét chặt chẽ nhưng mức hưởng thấp; trong khi đó

¹² Quyết định số 1395/QĐ-BLĐTĐ&XH ngày 30/9/2015 của Bộ LĐTĐ&XH về việc công bố kết quả hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ LĐTĐ&XH đến hết ngày 10/6/2015; tại Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTĐ&XH hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần đến hết ngày 10/6/2015 - Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1395/QĐ-BLĐTĐ&XH, Mục X - Lĩnh vực NCC, số thứ tự 326: Quyết định số 118-TTg được nêu hết hiệu lực do bị bãi bỏ.

việc hỗ trợ theo hình thức miễn, giảm TSDĐ có mức hưởng cao hơn nhiều, nhưng thủ tục, điều kiện xét chưa cụ thể, không chặt chẽ, từ đó có thể dẫn đến tình trạng lợi dụng chính sách.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- UBND tỉnh, các sở, ngành có liên quan chưa thực sự quan tâm đến công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở, ban hành các quy định chưa đầy đủ, thiếu cụ thể. Các sở, ngành có liên quan của tỉnh (LĐTB&XH, Xây dựng, TNMT, Tài chính, Thuế) chưa thực sự làm tốt nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh trong tổ chức thực hiện chính sách.

- UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các sở, ngành và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, trách nhiệm được giao, chấp hành chưa nghiêm các quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở để xảy ra các tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu trên.

- UBND tỉnh chưa chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện miễn, giảm TSDĐ cho NCC; chưa kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục, xử lý các tồn tại, hạn chế, vi phạm; chậm sửa đổi hoặc kiến nghị với cấp có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách.

- Việc tuyên truyền phổ biến chính sách hiệu quả còn hạn chế, còn tình trạng một số cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị liên quan, người dân chưa hiểu, chưa nắm được đầy đủ chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở; một số trường hợp NCC không thực sự có khó khăn về nhà ở vẫn đề nghị và được xét miễn, giảm TSDĐ.

4. Trách nhiệm

Trách nhiệm đối với những tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu trên thuộc về:

- UBND tỉnh Thanh Hóa, lãnh đạo UBND tỉnh; các sở, ngành, lãnh đạo các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thời kỳ 2008 - 2019.

- UBND cấp huyện, lãnh đạo UBND cấp huyện, UBND cấp xã, lãnh đạo UBND cấp xã, lãnh đạo các phòng, ban: LĐTB&XH, Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện, Chi cục Thuế cấp huyện (khu vực) và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thời kỳ 2008 - 2019.

III. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả thanh tra và kết luận nêu trên, Tổng Thanh tra Chính phủ kiến nghị:

1. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

- Các Bộ: Nội vụ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung kết luận, kiến nghị trong Kết luận thanh tra; căn cứ các tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra, tổ chức rà soát, làm rõ tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân và trách nhiệm cụ thể của từng tổ chức, cá nhân có liên quan qua từng thời kỳ; trên cơ sở kết quả rà soát, tổ chức xem xét trách nhiệm để xử lý nghiêm theo quy định

của pháp luật; báo cáo Thanh tra Chính phủ về kết quả thực hiện đề tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Giao Bộ Nội vụ:

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp rà soát, ban hành hoặc báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản theo thẩm quyền để đảm bảo thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở;

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ NCC, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để đảm bảo liên thông, công khai, minh bạch, công bằng trong tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở.

2. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền:

2.1. Chấn chỉnh công tác quản lý

- Khẩn trương có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, xử lý đối với những tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu trong Kết luận thanh tra.

- Quy định cụ thể điều kiện, nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm trong việc hỗ trợ về nhà ở đối với NCC để khắc phục những bất cập, vướng mắc nêu trong Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát các hồ sơ đã hỗ trợ TSDĐ đối với NCC chưa được thanh tra, chưa xác định được nguồn gốc đất, nếu có vi phạm phải tiến hành thu hồi về ngân sách nhà nước số TSDĐ đã hỗ trợ và xử lý theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm.

- Tăng cường tuyên truyền, quán triệt chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở và các quy định pháp luật có liên quan, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức và cộng đồng xã hội trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở; thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ, công chức; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở.

- Xem xét, giải quyết dứt điểm các đơn khiếu nại, kiến nghị liên quan đến chế độ chính sách hỗ trợ NCC cải thiện nhà ở theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Về xử lý kinh tế

- Tổ chức rà soát, xử lý, thu hồi triệt để về ngân sách nhà nước số TSDĐ đã hỗ trợ miễn, giảm cao hơn mức quy định và xử lý các nghĩa vụ tài chính phát sinh (nếu có), đối với 16 trường hợp NCC, số tiền tạm tính 517,997 triệu đồng (02 trường hợp thân nhân liệt sĩ tại huyện Yên Định đã nộp lại vào ngân sách nhà nước trong quá trình thanh tra, số tiền 63,825 triệu đồng).

- Xử lý, thu hồi về ngân sách nhà nước số tiền 129,714 triệu đồng do Ban GPMB&TĐC thành phố Thanh Hóa (thời điểm trước khi thực hiện chính quyền địa

phương 2 cấp) đã thu TSDĐ của 03 trường hợp NCC (ông Lê Đình Hạ, ông Trần Thanh Niệm, ông Nguyễn Công Bình) nhưng chưa nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Tổ chức rà soát, thực hiện thủ tục hoàn trả NCC một phần TSDĐ do áp dụng tỷ lệ % miễn, giảm thấp hơn mức quy định đối với 05 trường hợp NCC tại các xã được sắp xếp từ các huyện: Thường Xuân, Hà Trung, Thiệu Hóa, Thạch Thành và các khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh (nếu có), số tiền tạm tính 42,437 triệu đồng (ông Lê Đình Phùng, ông Nguyễn Trung Thành, bà Lê Thị Hương, ông Hoàng Việt Hòa và ông Lê Văn Đại), bảo đảm đúng chính sách quy định.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, rà soát, xử lý việc hỗ trợ miễn, giảm TSDĐ đối với 07 trường hợp NCC, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- + 03 trường hợp NCC (các ông: Lê Tiến Phúc, Nguyễn Quang Bình, Nguyễn Trọng Hùng) thường trú tại các xã, phường đã được sắp xếp từ thành phố Thanh Hoá, không có đất bị thu hồi, được xét giao đất tại các dự án tái định cư và thực hiện việc miễn, giảm TSDĐ theo chính sách hỗ trợ NCC về nhà ở chưa đủ căn cứ pháp lý khi thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và nộp tiền đầu tư hạ tầng khi miễn, giảm TSDĐ;

- + 04 trường hợp NCC (gồm các ông: Cao Văn Thám, Đỗ Văn Lưu, Nguyễn Hoài Bắc, Vũ Anh Lăng) thường trú tại các xã, phường thuộc thành phố Thanh Hóa, có diện tích đất được miễn giảm TSDĐ thấp hơn diện tích đất được giao, thấp hơn hạn mức quy định của UBND tỉnh Thanh Hóa, bảo đảm thực hiện chính sách hỗ trợ đúng, đủ theo quy định pháp luật.

- Hoàn trả ngân sách trung ương khoản kinh phí 49.589 triệu đồng kết dư sau khi kết thúc việc thực hiện hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho NCC vào ngày 31/12/2019 theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg tại tỉnh Thanh Hóa.

- Chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền (Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan Thuế và UBND cấp xã...) tiến hành kiểm tra, rà soát và thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, thuế của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định.

- Trong quá trình thực hiện Kết luận thanh tra nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển cơ quan Điều tra để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

2.3. Kiểm điểm, xử lý trách nhiệm

Chỉ đạo, tổ chức rà soát, kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm để xử lý theo quy định đối với lãnh đạo các sở, ngành, đơn vị: LĐTĐ&XH, TN&MT, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế tỉnh; UBND cấp huyện, lãnh đạo UBND cấp huyện, các phòng, ban: LĐTĐ&XH, TN&MT, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện, Chi cục Thuế cấp huyện; UBND cấp xã, lãnh đạo UBND cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan của tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2008 - 2019 để xảy ra các tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu trong Kết luận thanh tra.

Ngày 07/8/2026, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 7878/VPCP-V.I thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu về việc thực hiện Kết luận thanh tra số 479/KL-TTCP ngày 20/7/2026 của Thanh tra Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu tại văn bản nêu trên, Thanh tra Chính phủ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; các Bộ: Nội vụ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền thực hiện Kết luận thanh tra số 479/KL-TTCP ngày 20/7/2026 của Thanh tra Chính phủ, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện gửi Thanh tra Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Thanh tra Chính phủ trân trọng thông báo./. *Ch*

Nơi nhận: *Ch*

- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Lê Tiến Đạt;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- TTCP: Cục IV, Cục XIV;
- Văn phòng TTCP (để đăng tải trên Cổng TTĐT);
- Báo Thanh tra (để đăng tải);
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐTT.

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Lê Tiến Đạt